

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

QUY ĐỊNH CHI TIẾT

ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

HÀ NỘI - 2018

QUY ĐỊNH CHI TIẾT**ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 118/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 16/3/2018 của Viện trưởng Viện KTTVBĐKH)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu (sau đây gọi tắt là Viện KTTVBĐKH) được thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017; Thông tư số 04/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 33/2013/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2013 Sửa đổi, bổ sung Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Quy định này áp dụng cho cơ sở đào tạo Viện KTTVBĐKH và các nghiên cứu sinh tham gia nghiên cứu và học tập tại Viện KTTVBĐKH.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo và chuyên ngành đào tạo

1. Mục tiêu đào tạo: Đào tạo tiến sĩ các chuyên ngành: Khí tượng và khí hậu học, Thủy văn học, Hải dương học, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Biến đổi khí hậu có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

2. Chuyên ngành đào tạo: Viện KTTVBĐKH đào tạo trình độ tiến sĩ với các chuyên ngành tương ứng với các bộ môn như sau:

TT	Chuyên ngành	Mã số	Ngành
1.	Biến đổi khí hậu	Mã số : 9440221	Khoa học trái đất
2.	Khí tượng và khí hậu học	Mã số : 9440222	
3.	Thủy văn học	Mã số : 9440224	
4.	Hải dương học	Mã số : 9440228	
5.	Quản lý tài nguyên và môi trường	Mã số : 9850101	Quản lý tài nguyên và môi trường

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo ở trình độ tiến sĩ do Viện KTTVBĐKH xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ;

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Khung trình độ quốc gia).

2. Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm: Các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

Sau khi trúng tuyển, nghiên cứu sinh bắt buộc phải học môn Phương pháp nghiên cứu khoa học. Khuyến khích nghiên cứu sinh có sinh hoạt khoa học trước khi tổ chức hội đồng chấm Tiểu luận tổng quan hoặc chuyên đề tiến sĩ.

3. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

Căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, Viện trưởng Viện KTTVBĐKH xác định số học phần và khối lượng tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung. Mỗi học phần bổ sung tương đương 2-3 tín chỉ.

4. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

a) Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó xác định mục đích và nội dung nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

b) Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

c) Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 06 học phần đến 09 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 14 tín chỉ đến 20 tín chỉ. Trong đó, tiểu luận tổng quan (3 tín chỉ) và 02 hoặc 03 chuyên đề tiến sĩ (3 tín chỉ/chuyên đề) do Viện trưởng Viện KTTVBĐKH quyết định. Đối với học phần trình độ tiến sĩ tự chọn mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 02-03 học phần với khối lượng từ 04 tín chỉ đến 09 tín chỉ.

5. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận khoa học và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

6. Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học độc lập, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

7. Viện KTTVBĐKH được sử dụng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 36 Luật giáo dục đại học.

Chương II **TUYỂN SINH**

Điều 4. Thời gian và hình thức tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.
2. Số lần tuyển sinh trong năm: 01 lần hoặc nhiều lần.
3. Viện trưởng Viện KTTVBĐKH căn cứ vào Quy định này và các quy định liên quan chịu trách nhiệm xây dựng đề án tuyển sinh (mẫu tại Phụ lục I.2.8), đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về phương thức tuyển sinh, thời gian tổ chức tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng và những thông tin cần thiết khác.

Điều 5. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có bằng Thạc sĩ đúng chuyên ngành dự tuyển hoặc có chuyên ngành phù hợp bao gồm các chuyên ngành thuộc các ngành (quy định tại Phụ lục VI.4).

2. Là tác giả bài báo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày hết hạn đăng ký dự tuyển. Số lượng cụ thể như sau:

a) Có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành: Là tác giả ít nhất 1 bài báo.

b) Có bằng thạc sĩ chuyên ngành phù hợp: Là tác giả ít nhất 2 bài báo.

3. Có một trong các văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác gồm: Pháp, Đức, Nhật, Nga, Trung.

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài gồm: Anh, Pháp, Đức, Nhật, Nga, Trung do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có chứng chỉ tiếng nước ngoài ở trình độ tương đương (Phụ lục I.2.2) cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày hết hạn đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh theo quy định tại điểm c phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn

đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

4. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Viện KTTVBĐKH (đóng học phí, hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

Điều 6. Hồ sơ dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- a. Đơn xin dự tuyển (Phụ lục I.2.3);
 - b. Lý lịch khoa học (Phụ lục I.2.5);
 - c. Bản sao có công chứng các văn bằng, bằng điểm có liên quan (đại học, cao học, chứng chỉ ngoại ngữ); đối với văn bằng, bằng điểm tiếng nước ngoài phải có bản dịch công chứng kèm theo;
 - d. Bản sao chụp các bài báo, công trình đã công bố trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển (có minh chứng);
 - đ. Đề cương nghiên cứu (Phụ lục I.2.7);
 - e. Thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (Phụ lục I.2.6);
 - g. Công văn cử đi dự tuyển NCS của cơ quan chủ quản (Phụ lục I.2.4) nếu người dự tuyển đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức;
 - h. Bản sao có công chứng giấy khai sinh;
 - i. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập và lao động (trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày hết hạn đăng ký dự tuyển);
 - k. Bản sao có công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có).
2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Điều 7. Thông báo tuyển sinh

1. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Viện KTTVBĐKH và phương tiện thông tin đại chúng khác trước khi tổ chức xét tuyển ít nhất 03 tháng, trong đó nêu rõ:

- a) Điều kiện dự tuyển;
- b) Danh mục ngành phù hợp được xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; danh sách người hướng dẫn đáp ứng quy định tại Điều 15 của Quy định này;
- c) Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành đào tạo;
- d) Hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Điều 6 của Quy định này và thời gian nhận hồ sơ, lệ phí dự tuyển;
- đ) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học;
- e) Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có);

g) Các yêu cầu và thông tin cần thiết khác.

2. Nội dung thông báo tuyển sinh do Viện trưởng Viện KTTVBĐKH chịu trách nhiệm, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với đề án tuyển sinh của Viện KTTVBĐKH.

Điều 8. Hội đồng tuyển sinh

1. Viện trưởng Viện KTTVBĐKH ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên.

a. Chủ tịch Hội đồng: Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng phụ trách công tác đào tạo;

b. Ủy viên thường trực: Trưởng hoặc Phó phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế (KHĐTHTQT), Viện KTTVBĐKH;

c. Các ủy viên: Trưởng hoặc phó của các đơn vị chuyên môn phù hợp với chuyên ngành tuyển sinh;

d. Những người có người thân (cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột bên vợ hoặc bên chồng) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: Thông báo tuyển sinh, tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

a. Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy chế về tuyển sinh quy định tại Chương II của Quy định chi tiết này;

b. Quyết định và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng Viện KTTVBĐKH toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định tại Chương II của Quy định chi tiết này; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của cơ sở đào tạo;

c. Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm: Ban thư ký và các Tiểu ban chuyên môn, các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

Điều 9. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các Ủy viên.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

a. Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển.

b. Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh gửi tới Bộ môn.

c. Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét.

d. Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển.

3. Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký:

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

Điều 10. Tiểu ban chuyên môn

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Trưởng bộ môn đề xuất các tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

2. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh có ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là thành viên của Bộ môn, cán bộ khoa học, giảng viên trong Viện KTTVBĐKH hoặc ngoài Viện KTTVBĐKH do Trưởng bộ môn mời (nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn nếu thí sinh trúng tuyển. Thành phần tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban và các thành viên tiểu ban.

3. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, bài luận về dự định nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh dự định nghiên cứu của thí sinh, xếp loại các thí sinh dự tuyển theo mức độ xuất sắc, khá, trung bình hoặc không tuyển; gửi kết quả về Ban thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

Điều 11. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

1. Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong thư giới thiệu (Phụ lục I.5.1).

2. Trưởng tiểu ban phân công các thành viên tiểu ban (2 thành viên/thí sinh) đọc và có nhận xét bằng văn bản về các bài báo, đề cương nghiên cứu của thí sinh.

3. Thí sinh trình bày đề cương nghiên cứu trước tiểu ban chuyên môn. Thành viên tiểu ban chuyên môn đánh giá đề cương thông qua khả năng trình bày của thí sinh, nội dung nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu, những đóng góp mới của luận án, bố cục dự kiến của luận án, kế hoạch thực hiện luận án... (Phụ lục I.5.2)

4. Trưởng tiểu ban chuyên môn tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh (Phụ lục I.6.1; I.6.2).

5. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại kết quả đánh giá của tiểu ban chuyên môn so với hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh.

Hội đồng tuyển sinh xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Viện trưởng Viện KTTVBĐKH quyết định cho từng chuyên ngành đào tạo và kết quả xếp loại các thí sinh, trình Viện trưởng Viện KTTVBĐKH phê duyệt.

Điều 12. Công nhận nghiên cứu sinh

Viện trưởng Viện KTTVBĐKH phê duyệt danh sách người trúng tuyển. Sau khi có công văn cử đi học của cơ quan chủ quản (hoặc đơn đăng ký nhập học của thí sinh đối với thí sinh tự do), Viện trưởng Viện KTTVBĐKH ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 13. Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ:

a) Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện KTTVBĐKH (kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh) cho các đối tượng đã có bằng Thạc sĩ là 03 năm tập trung liên tục. Trong trường hợp nghiên cứu sinh không thể theo học tập trung liên tục và được Viện KTTVBĐKH đồng ý thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh có tổng thời gian là 04 năm.

b) Trong trường hợp đặc biệt, nghiên cứu sinh được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định tại khoản 6 Điều này.

2. Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại Viện KTTVBĐKH trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

3. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ:

a) Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ trình độ của từng nghiên cứu sinh, văn bằng nghiên cứu sinh đã có, các học phần nghiên cứu sinh đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ, Trưởng bộ môn, người hướng dẫn nghiên cứu sinh đề xuất các học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của nghiên cứu sinh. Viện trưởng Viện KTTVBĐKH ra Quyết định công nhận các học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ của các nghiên cứu sinh sau khi được Hội đồng Khoa học Công nghệ và Đào tạo của Viện KTTVBĐKH thông qua.

b) Phòng Khoa học Đào tạo và Hợp tác quốc tế xây dựng kế hoạch học tập hàng năm của nghiên cứu sinh, trình Viện trưởng phê duyệt và thông báo cho các nghiên cứu sinh thực hiện.

c) Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ phải được triển khai tại Viện KTTVBĐKH. Trong trường hợp Viện KTTVBĐKH không đào tạo các học phần cần bổ sung cho nghiên cứu sinh thì gửi nghiên cứu sinh theo học ở các cơ sở đào tạo khác đã được phép đào tạo chương trình có học phần này theo thỏa thuận giữa các cơ sở đào tạo. Các học phần ở trình độ tiến sĩ phải do Viện KTTVBĐKH tổ chức thực hiện.

d) Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần của nghiên cứu sinh phải đảm bảo khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Việc đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ thực hiện theo quy trình đánh giá khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo.

e) Nghiên cứu sinh có học phần không đạt yêu cầu theo quy định của Viện KTTVBĐKH sẽ không được tiếp tục làm nghiên cứu sinh.

4. Nghiên cứu khoa học và tham gia các hoạt động sinh hoạt khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian quy định tại khoản 2 Điều này.

Do tính chất của lĩnh vực nghiên cứu khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, công nghệ, Viện KTTVBĐKH yêu cầu nghiên cứu sinh ít nhất phải chủ trì hoàn thành 01 đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp cơ sở; hoặc tham gia thực hiện 01 đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ, ngành hoặc tương đương trở lên. Ngoài ra, NCS phải hoàn thành ít nhất 01 hội thảo dự thảo luận án trước khi thành lập Hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

5. Những thay đổi trong quá trình đào tạo:

a) Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi nghiên cứu sinh, người hướng dẫn đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định này, trong thời gian quy định tại các điểm a, b và c, khoản 6 Điều này (Phụ lục V.3);

b) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

6. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập:

a) Nghiên cứu sinh được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp Viện thông qua trong thời gian quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, 3 tháng trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian này, nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo.

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại

theo quy định tại Điều 26 của Quy định này) thì Viện trưởng Viện KTTVBĐKH quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

c) Viện trưởng Viện KTTVBĐKH xem xét, quyết định cho phép nghiên cứu sinh được rút ngắn thời gian học tập nếu nghiên cứu sinh hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo Quy định này.

7. Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 37 Luật giáo dục đại học, Viện trưởng Viện KTTVBĐKH quy định cụ thể việc tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần của nghiên cứu sinh chi tiết trong Phụ lục II.1 đến Phụ lục II.7.

Chương IV

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN

CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 14. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Tiêu chuẩn giảng viên:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc đã và đang tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

2. Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học và các quy định liên quan.

Điều 15. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 02 bài báo hoặc công

trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phân biệt thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

đ) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản này phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;

e) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

g) Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Viện KTTVBĐKH hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Viện KTTVBĐKH.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

a) Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

c) Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo.

3. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học;

b) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 04 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 03 nghiên cứu sinh;

c) Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh mới nếu trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 nghiên cứu sinh có luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án quy định tại Điều 22 của Quy định này (nếu có);

d) Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học, chịu trách nhiệm đảm bảo về mặt chất lượng khoa học trong luận án của NCS;

đ) Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, đề nghị đề luận án được đánh giá ở Bộ môn và tại Hội đồng cấp Viện nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 19 của Quy định này;

e) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền của nghiên cứu sinh

1. Thực hiện quy định tại các Điều 60, 61 Luật giáo dục đại học.

2. Xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học toàn khoá và từng học kỳ, được người hướng dẫn và Bộ môn thông qua.

3. Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo tiến độ, kết quả đạt được theo quy định của Viện KTTVBĐKH.

4. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

5. Tham dự các buổi sinh hoạt khoa học, hội thảo khoa học, hội thảo dự thảo luận án của các NCS khác để trao đổi kiến thức, học tập kinh nghiệm.

6. Đóng học phí theo Quyết định số 72/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 23 tháng 02 năm 2016 của Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu về việc thu học phí của Nghiên cứu sinh thuộc cơ sở đào tạo Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu. NCS bảo vệ cấp Viện thành công trước ngày 01 tháng 7 hàng năm, đóng 50% học phí của năm đó. Các NCS bảo vệ cấp Viện thành công sau ngày 30 tháng 6 hàng năm đóng 100% học phí của năm đó.

7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền của Bộ môn

1. Xem xét và trình Viện trưởng Viện KTTVBĐKH các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: Các học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ; kế hoạch đào tạo đối với từng nghiên cứu sinh; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của nghiên cứu sinh đó.

2. Quản lý nghiên cứu sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học tại Bộ môn.

3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh.

4. Tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở Bộ môn; xem xét thông qua hoặc không thông qua đề nghị đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng cấp Viện trên cơ sở quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 20 của Quy định này.

5. Đề nghị Viện trưởng Viện KTTVBĐKH quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của nghiên cứu sinh.

6. Có biện pháp quản lý và thực hiện quản lý chặt chẽ hồ sơ của nghiên cứu sinh và nghiên cứu sinh trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Báo cáo Viện trưởng Viện KTTVBĐKH về tình hình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo yêu cầu.

7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền của cơ sở đào tạo Viện KTTVBĐKH

1. Xây dựng, ban hành và công bố công khai quy định chi tiết của Viện KTTVBĐKH về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo các quy định của Viện KTTVBĐKH và các quy định liên quan. Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các chuyên ngành được phép đào tạo.

2. Công bố công khai thông tin liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên trang thông tin điện tử của Viện KTTVBĐKH.

3. Tổ chức thực hiện tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của nghiên cứu sinh và quản lý quá trình đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo kế hoạch và các quy định hiện hành:

a) Thành lập Hội đồng tuyển sinh.

b) Ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh; quyết định xử lý thay đổi trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho nghiên cứu sinh.

c) Tạo điều kiện để nghiên cứu sinh được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế ở nước ngoài.

d) Tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định chi tiết đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo Viện KTTVBĐKH. Đảm bảo đủ nhân lực có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tốt để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ việc bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh.

đ) Quản lý quá trình đào tạo, học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh; quản lý việc thi các học phần, bảng điểm học tập, cấp giấy chứng nhận cho nghiên cứu sinh đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án; cấp bằng tiến sĩ và quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành.

e) Định kỳ hai năm một lần bổ sung, điều chỉnh danh mục và nội dung các học phần bổ sung, học phần ở trình độ tiến sĩ thông qua Hội đồng Khoa học Công nghệ và Đào tạo của Viện KTTVBĐKH.

f) Quy định cụ thể việc tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần của nghiên cứu sinh (Phụ lục II.1 đến Phụ lục II.7).

g) Ra Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng bộ môn, Thư ký bộ môn.

4. Đảm bảo đủ các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và hội đồng đánh giá luận án (bao gồm cả nhiệm vụ sử dụng công cụ công nghệ thông tin để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện để Hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận).

5. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học ở quy mô quốc gia và quốc tế, xuất bản các tạp chí nghiên cứu khoa học có phản biện của Viện KTTVBĐKH.

6. Xây dựng chính sách cụ thể để thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

7. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ và lưu trữ hồ sơ.

8. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

a) Sau mỗi đợt tuyển sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tổ chức tuyển sinh và kết quả tuyển sinh kèm theo các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển (theo mẫu tại Phụ lục I.8.1, I.8.2);

b) Vào tháng 12 hằng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh từng ngành của năm tiếp theo (theo mẫu tại Phụ lục VI.3);

c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp Viện trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục VI.2);

d) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT - BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

9. Đăng ký mở mã chuyên ngành đào tạo lại đối với các chuyên ngành không tuyển sinh được trong 8 năm liên tiếp.

Chương V

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 19. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Đáp ứng quy định tại khoản 5, Điều 3 của Quy định này về khối lượng, hình thức, cách trình bày luận án, quy định trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo (tham khảo mẫu tại Phụ lục II.8.1, II.8.2, II.8.3, II.8.4, II.8.5, II.8.6, II.8.7).

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 20. Đánh giá luận án ở Bộ môn

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở Bộ môn:

a) Đã hoàn thành các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ quy định tại các khoản 3, 4 Điều 3 của Quy định này;

b) Đã công bố tối thiểu 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí Khoa học Biển đổi khí hậu của Viện KTTVBĐKH và 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện;

c) Được tập thể hoặc người hướng dẫn chính nghiên cứu sinh đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án ở Bộ môn.

2. Việc đánh giá luận án ở Bộ môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện; các thành viên của Bộ môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

3. Việc đánh giá luận án ở Bộ môn, quy trình và phương thức đánh giá, số lượng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ của những nhà khoa học được mời nhận xét luận án; đáp ứng các quy định sau:

a) Số lượng nhà khoa học được mời nhận xét luận án gồm 7 thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có sự tham gia của các nhà khoa học ở trong và ngoài Viện KTTVBĐKH. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Viện;

b) Trong thời hạn tối đa 3 tháng kể từ buổi họp Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, NCS hoàn thiện hồ sơ nộp lại cơ sở đào tạo. Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Viện khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

c) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- +) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- +) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- +) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- +) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- +) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

d) Trình tự, quy trình và phương thức đánh giá luận án ở Bộ môn được quy định trong Phụ lục II.8.1 đến Phụ lục II.8.15.

Điều 21. Phản biện độc lập luận án

1. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến của 02 phản biện độc lập trước khi được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học, chuyên gia ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ nghiên cứu sinh và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án.

3. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Viện KTTVBĐKH.

4. Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án. Viện trưởng Viện KTTVBĐKH ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện KTTVBĐKH cho nghiên cứu sinh. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án. Viện trưởng Viện KTTVBĐKH gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp Viện KTTVBĐKH.

5. Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp cơ sở nếu hai phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện độc lập thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba. Trường hợp này luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp cơ sở. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau sáu tháng và muộn nhất là hai năm, kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

6. Trình tự, quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập; yêu cầu về trách nhiệm bảo mật đối với cán bộ, công chức, người phản biện và đối với thông tin, tài liệu liên quan đến phản biện độc lập theo Phụ lục II.9.1.

Điều 22. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện:

a) Luận án của nghiên cứu sinh được Bộ môn đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

b) Luận án của nghiên cứu sinh được các phản biện độc lập quy định tại Điều 21 của Quy định này tán thành;

c) Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện gồm:

a) Toàn văn luận án;

b) Tóm tắt luận án;

c) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 19 Quy định này (nếu có);

đ) Đơn xin bảo vệ luận án cấp Viện và Lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh.

e) Văn bản của Bộ môn đề nghị cho phép nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

g) Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần ở trình độ tiến sĩ;

h) Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

i) Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập;

k) Biên bản các buổi họp đánh giá luận án ở Bộ môn có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký;

l) Bản giải trình các điểm bổ sung và sửa chữa của nghiên cứu sinh sau buổi họp đánh giá luận án ở Bộ môn, có chữ ký xác nhận của các giáo viên hướng dẫn (hoặc đại diện tập thể hướng dẫn), Chủ tịch Hội đồng, hai người phản biện luận án và Trưởng bộ môn;

3. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, l khoản 2 Điều này; các tài liệu còn lại do Viện KTTVBĐKH tập hợp. (Phụ lục II.8.1 đến II.8.8, II.8.13, II.8.14, II.8.16, II.10.9).

Điều 23. Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

1. Viện trưởng Viện KTTVBĐKH ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, quy định chi tiết về tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Có công trình nghiên cứu, có uy tín và kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, trong đó người phản biện phải có tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện.

3. Số lượng thành viên Hội đồng:

Hội đồng gồm 07 thành viên, trong đó: Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 05 người; số thành viên đã tham gia đánh giá luận án ở Bộ môn tối đa không quá 03 người; số thành viên là cán bộ của cơ sở đào tạo tối đa không quá 03 người.

Đối với chuyên ngành Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững trong thời gian đào tạo thí điểm, Hội đồng gồm 07 thành viên, trong đó số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 03 người; số thành viên đã tham gia đánh giá luận án ở Bộ môn tối đa không quá 03 người; số thành viên là cán bộ của cơ sở đào tạo tối đa không quá 03 người.

4. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 03 phản biện và các ủy viên; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh, có kinh nghiệm trong đào tạo sau đại học và trong chỉ đạo điều khiển các buổi bảo vệ luận án; các phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; đại diện tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên.

5. Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

Điều 24. Đánh giá luận án ở cấp Viện

1. Luận án phải được đánh giá công khai trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 25 của Quy định này.

2. Thời gian địa điểm bảo vệ luận án, tên đề tài luận án của nghiên cứu sinh đã được công bố công khai, rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Viện KTTVBĐKH, trên bảng tin của Viện KTTVBĐKH và của Bộ môn trước ngày bảo vệ ít nhất 20 ngày để những người quan tâm có thời gian tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ (trừ các luận án bảo vệ mật).

3. Luận án, tóm tắt luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học theo danh sách đã được Viện trưởng Viện KTTVBĐKH quyết định và đã được trưng bày ở phòng đọc của thư viện Viện KTTVBĐKH ít nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ. Toàn văn luận án, tóm tắt (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, luận điểm mới về khoa học và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Viện KTTVBĐKH trước ngày bảo vệ 20 ngày, trừ các luận án được phép đánh giá theo chế độ mật được quy định theo Điều 25 của Quy định này.

4. Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản (theo Phụ lục II.10.2) gửi đến cơ sở đào tạo Viện KTTVBĐKH 5 ngày trước ngày bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh. Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện trong trường hợp chủ tịch hoặc thư ký hoặc có từ 02 thành viên Hội đồng trở lên vắng mặt hoặc không nhận đủ nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án.

5. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), luận án không được thông qua nếu có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ trở lên bỏ phiếu không tán thành.

6. Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: Kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

7. Biên bản buổi đánh giá luận án cấp Viện được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng.

8. Trong thời hạn tối đa là 3 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau thời gian này nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 của Quy định này. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Viện trưởng Viện KTTVBĐKH quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và đưa luận án ra bảo vệ. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án được thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án lần đầu. Hội đồng đánh giá luận án tự giải thể sau khi hoàn thành việc đánh giá luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh.

9. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày họp Hội đồng, nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo quyết nghị của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, có chữ ký xác nhận của các giáo viên hướng dẫn (hoặc đại diện tập thể hướng dẫn), Chủ tịch Hội đồng, ba người phản biện luận án và Trưởng bộ môn để lưu tại cơ sở đào tạo Viện KTTVBĐKH.

10. Trang phục của nghiên cứu sinh tham gia buổi họp Hội đồng:

- Nam mặc áo sơ mi trắng, quần sẫm màu, thắt cà vạt.
- Nữ mặc áo dài, váy hoặc bộ đồ công sở.

Điều 25. Đánh giá luận án theo chế độ mật

Việc đánh giá luận án theo chế độ mật được thực hiện theo Điều 21 của Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 26. Đánh giá lại luận án ở cấp Viện

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua ở lần đánh giá thứ nhất, nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và đề nghị được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

3. Trong vòng 6 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án phải được trình Viện để đưa ra bảo vệ lần thứ hai. Thời điểm bảo vệ luận án lần thứ hai phải trong thời hạn 6 năm kể từ ngày có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Trình tự, quy trình và phương thức đánh giá luận án lần thứ hai tương tự lần thứ nhất.

4. Khi bảo vệ lại, nghiên cứu sinh phải tự túc kinh phí.

5. Không tổ chức đánh giá lại luận án lần thứ ba.

Chương VI

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 27. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Thẩm định ngẫu nhiên tối đa 20% hồ sơ quá trình đào tạo, chất lượng luận án đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua trong báo cáo của Viện KTTVBĐKH quy định tại điểm c, khoản 8 Điều 18 Quy định này.

2. Thẩm định khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

Điều 28. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo

a) Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh có đầy đủ minh chứng về điều kiện dự tuyển tại Điều 6 của Quy định này;

b) Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 22 của Quy định này;

c) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 32 của Quy định này;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án

- a) Luận án tiến sĩ đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;
- b) Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;
- c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo quy định;
- d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Điều 29. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Viện KTTVBĐKH quy định tại điểm c, khoản 8 Điều 18 của Quy định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần thẩm định của Viện KTTVBĐKH và nội dung yêu cầu thẩm định cụ thể.

2. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của Viện KTTVBĐKH theo quy định tại Điều 28 của Quy định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

3. Quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi hồ sơ thẩm định đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án của Quy định này.

4. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến đánh giá của 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có kinh nghiệm chuyên môn, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

a) Luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu tối thiểu hai trong ba ý kiến thẩm định luận án tán thành;

b) Trong trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định qui định tại điểm a khoản này hoặc có đơn thư tố cáo về nội dung và chất lượng luận án thì Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, uỷ quyền Viện trưởng Viện KTTVBĐKH tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 30. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 04 thành viên chưa tham gia đánh giá luận án ở Bộ môn, chưa là phản biện độc lập hoặc chưa là thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Quy định này.

2. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện quy định tại khoản 2 Điều 23 Quy định này.

3. Hội đồng thẩm định luận án có chủ tịch, thư ký và các ủy viên.

4. Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có).

5. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: Xem xét, đánh giá và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án hoặc làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo.

6. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không tán thành.

7. Trong trường hợp luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua, Viện trưởng Viện KTTVBĐKH tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 12 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

Điều 31. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 29 Quy định này hoặc được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung, Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của người thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định.

2. Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

a) Trong trường hợp nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị đánh giá lại luận án theo quy định tại Điều 26 của Quy định này;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ thì Viện KTTVBĐKH xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Quy định này.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện trưởng Viện KTTVBĐKH bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình.

4. Trong thời gian tối đa 02 tháng (60 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Viện trưởng Viện KTTVBĐKH có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh chứng kèm theo.

Điều 32. Cấp bằng tiến sĩ

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua và thời gian đủ 03 tháng (90 ngày) kể từ ngày Thủ trưởng cơ sở đào tạo xác nhận đã hoàn thành, bổ sung, sửa chữa Luận án theo Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và có giấy biên nhận luận án của Thư viện quốc gia Việt Nam;

b) Nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện và được người hướng dẫn, Viện trưởng Viện KTTVBĐKH, chủ tịch Hội đồng xác nhận (nếu có);

c) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 29 thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 3 và điểm a, khoản 4 Điều 29 và khoản 1 Điều 31 của Quy định này; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy định này;

d) Đã đăng trên trang thông tin điện tử của Viện KTTVBĐKH và nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và file pdf) toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Viện trưởng Viện KTTVBĐKH sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và Hội đồng thẩm định (nếu có).

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp Viện;
b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;
c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có mặt tại buổi đánh giá;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;

đ) Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có mặt tại buổi đánh giá luận án của nghiên cứu sinh;

e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;

g) Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 26 Quy chế này;

h) Biên bản họp kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

3. Viện KTTVBĐKH tập hợp hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ và tiến hành thủ tục cấp bằng cho nghiên cứu sinh khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy các đủ điều kiện qui định tại khoản 1 Điều này và lưu trữ hồ sơ cấp bằng theo quy định.

4. Viện KTTVBĐKH có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Viện KTTVBĐKH để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Chương VII

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 33. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nghiên cứu sinh có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 34. Thanh tra, kiểm tra

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện KTTVBĐKH theo quy định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng tiến sĩ và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Viện KTTVBĐKH. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho Viện KTTVBĐKH.

Điều 35. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản yêu cầu Viện KTTVBĐKH xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận nghiên cứu sinh;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những nội dung đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 19 của Quy định này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại khoản 7 Điều 30 Quy định này.

3. Trong trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Việc xác định luận án vi phạm tại điểm b, khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do Viện trưởng Viện KTTVBĐKH thành lập theo quy định tại Điều 30 của Quy định này.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36: Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các khoá tuyển sinh đã có quyết định công nhận nghiên cứu sinh trước ngày 18 tháng 5 năm 2017 thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 140/QĐ-VKTTVBĐKH ngày 31 tháng 3 năm 2015.

2. Đối với các khóa tuyển sinh từ ngày 18 tháng 5 năm 2017 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018, quy định về tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh tại điểm d, khoản 1 Điều 15 và quy định về điều kiện nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở Bộ môn tại điểm b, khoản 1 Điều 20 của Quy định này được thực hiện như sau:

a) Người hướng dẫn là tác giả chính tối thiểu 01 báo cáo hoặc công trình khoa học đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành hoặc 01 bài báo đăng trong tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

b) Nghiên cứu sinh phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí Khoa học Biến đổi khí hậu của Viện KTTVBĐKH và 02 bài báo hoặc báo cáo, trong đó có 01 báo cáo đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

3. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 trở đi, người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải thực hiện quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 15 và nghiên cứu sinh phải thực hiện quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 20 của Quy định này.

VIỆN TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Văn Thắng